

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2026

V/v “Ly hôn giữa bà T và ông K ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Thủy

2. Ông Lư Khánh Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 206/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thủy T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 43 Đường 28, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 407B, lô B chung cư Mỹ Thuận, 226/10 Đường An Dương Vương, phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Ngô Việt B thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Số 422 Nguyễn Văn Luông, phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Nam K , sinh năm 1991(có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 43 Đường 28, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ số B3.12A.03. Lô B khu nhà ở cao tầng, phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 23/01/2026 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Thủy T trình bày: Bà và ông Nguyễn Nam K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 đăng ký ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng) cấp.

Sau khi kết hôn và về sống chung với nhau, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Một thời gian sau thì giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường phát sinh tranh cãi. Ngoài ra, ông Khánh thường có hành vi bạo lực tinh thần và hành động, thường xuyên mất kiểm soát cảm xúc, chửi bới danh dự, nhân phẩm của bà T và các con. Đời sống hôn nhân không thể hàn gắn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Nay bà Phạm Thị Thủy T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Nam K để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K có 02 chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 07/10/2022. Bà T yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Từ khi ly thân đến nay, bà T và hai con đã chuyển về nhà anh chị bà T sống cho đến nay. Hàng tuần ông K vẫn đến thăm con và chở con về nhà ông K chơi sau đó chở con về giao lại cho bà. Vì hai con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, để khỏi xáo trộn đời sống sinh hoạt cũng như việc đi học của hai con, gắn kết tình cảm anh em của hai con bà T đề nghị được nuôi cả hai con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Nam K trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà Phạm Thị Thủy T về thời gian kết hôn và chung sống là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Ông Nguyễn Nam K xác định cũng không còn tình cảm với bà Phạm Thị Thủy T nên đồng ý thuận tình ly hôn với bà Phạm Thị Thủy T để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K có 02 chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 07/10/2022. Ông K yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông K thừa nhận từ khi ly thân, bà T đã đưa hai con về nhà anh chị bà T sinh sống, ông K vẫn thường xuyên qua thăm con, chở con về nhà chơi, trong thời gian qua giữa hai bên không có sự tranh chấp hay mâu thuẫn về vấn đề nuôi con hay thăm, chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác nhận không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, trong trường hợp Tòa án giao 02 con cho nguyên đơn nuôi thì bị đơn sẽ cấp dưỡng cho mỗi trẻ 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K thuận tình ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Tiên và ông K. Về con chung: Bà Tiên có nơi ở ổn định, là người trực tiếp chăm sóc con, có sự theo dõi sát sao bệnh lý của các con, về kinh tế bà T có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng các con, ngoài ra trẻ Toàn có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Cha mẹ đều có các quyền và nghĩa vụ về việc chăm

sóc, giáo dục con nên việc bà T yêu cầu được nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp với tình hình kinh tế thu nhập của ông K , nhằm đảm bảo tốt hơn điều kiện môi trường sống và học tập của các con. Ông K và bà Tiên không có tài sản chung và nợ chung. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thẩm quyền xét xử, việc tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định... của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của đương sự. Về con chung: do hiện nay hai trẻ Nguyễn Đức T , sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K , sinh ngày 07/10/2022 đang sống chung ổn định với bà T , nên cần giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có. Về án phí, các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thủy T thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Thủy T đối với bị đơn ông Nguyễn Nam K có nơi cư trú tại Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thủy T trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, ông Nguyễn Nam K cũng xác nhận mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý thuận tình ly hôn với bà Phạm Thị Thủy T. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K.

[5]. Về con chung: có hai con chung tên là Nguyễn Đức T , sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K , sinh ngày 07/10/2022.

Bà T yêu cầu được nhận nuôi 02 con, chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Ông K yêu cầu được nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện kinh tế, nhà ở, môi trường sống thì cả ông K và bà T đều đảm bảo cho cuộc sống các con, thực tế từ tháng 01/2026 đến nay hai trẻ sống cùng với bà T tại nhà anh chị của bà T, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các con vẫn ổn định, phát triển bình thường. Từ khi ông K và bà T sống ly thân, hàng tuần ông K đều qua nhà bà T đón hai con về nhà chơi, sau đó đưa con về nhà bà T để đi học. Ông K cũng xác nhận trong suốt thời gian qua bà T hoàn toàn không có sự cản trở, gây khó khăn trong việc ông K đến thăm con cũng như đưa các con về nhà chơi, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho hai bên trong việc chăm sóc giáo dục con chung. Mặc khác hiện nay 02 con đang sống cùng mẹ như vậy giữa các bé có sự gần gũi thân thiết với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm sinh lý, tinh thần, môi trường sống và không làm xáo trộn đời sống sinh hoạt hàng ngày cũng như việc đi học của hai con, cần tiếp tục giao hai con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 07/10/2022 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các bên không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng, bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng cho mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt thành niên, ông K chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng khi bản án có hiệu lực pháp luật, vì vậy việc cấp dưỡng nuôi con giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 7, Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Hiện nay lương tối thiểu vùng 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 là 5.310.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Nam K cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Phương thức cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự

nguyên ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định); Như vậy án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Phạm Thị Thủy T phải chịu 75.000 đồng và ông Nguyễn Nam K phải chịu 75.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ điểm d khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Nam K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thủy T và ông Nguyễn Nam K .

(Giấy chứng nhận kết hôn số 65 đăng ký ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng) cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao hai con chung tên là Nguyễn Đức T , sinh ngày 03/4/2019 và trẻ Nguyễn Ngọc Minh K , sinh ngày 07/10/2022 cho bà Phạm Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Nam K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng,

Phương thức cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt thành niên.

Ông Nguyễn Nam K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Phạm Thị Thủy T .

Các bên phải tạo mọi điều kiện cho nhau khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 150.000 đồng bà Phạm Thị Thủy T phải chịu 75.000 đồng và ông Nguyễn Nam K phải chịu 75.000 đồng;

Án phí cấp dưỡng nuôi con: là 300.000 đồng ông Nguyễn Nam K phải chịu.

Bà Phạm Thị Thủy T được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010925 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thủy T được hoàn trả lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 3 -TP.HCM;
- Phòng Thi hành án KV 3 -TP.HCM;
- UBND xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu



